

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8- 2024

V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng, tranh chấp về con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2024/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Lã Văn C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, chị T và anh C đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2024, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành, nguyên đơn là chị Bùi Thị Trình bày: Chị và anh Lã Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 06/01/2004. Anh chị không đi đăng ký kết hôn nên không được cơ quan cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chị và anh C sống chung phát sinh mâu thuẫn. Chị Thủy đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh Lã Văn C là vợ chồng.

Chị và anh Lã Văn C có 2 con chung là cháu Lã Thị L, sinh ngày 07/5/2005 và cháu Lã Thị Diệu L, sinh ngày 07/8/2014. Cháu Lã Thị L đã trưởng thành, khỏe mạnh, cháu ở với tùy cháu quyết định, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi con đối với cháu L. Cháu Diệu L ngoan ngoãn, khỏe mạnh, phát triển

bình thường đang ở với chị và anh C. Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lã Thị Diệu L và yêu cầu anh Lã Văn C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu Diệu L đủ 18 tuổi. Hiện tại chị làm lao động tự do, thu nhập bình quân là 7.000.000đ/ tháng. Chị có sức khỏe và đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 03 tháng 7 năm 2024 bị đơn là anh Lã Văn C trình bày: Anh và chị Bùi Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 06/01/2004. Anh và chị T không đi đăng ký kết hôn nên không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình anh và chị T sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh đồng ý với yêu cầu của chị Thủy đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết không công nhận quan hệ giữa anh và chị Thủy là vợ chồng.

Anh và chị T có 2 con chung là cháu Lã Thị L, sinh ngày 07/5/2005 và cháu Lã Thị Diệu L, sinh ngày 07/8/2014. Cháu Lã Thị L đã trưởng thành, khỏe mạnh, ở với bố hoặc mẹ do cháu quyết định. Cháu Lã Thị Diệu L ngoan ngoãn, khỏe mạnh, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Anh đồng ý giao cháu Lã Thị Diệu L cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập bình quân là 7.000.000đ/ tháng.

Về tài sản và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Cháu Lã Thị Diệu L có nguyện vọng ở với mẹ.

4. Tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 25/2024/UBND-XNTTHN ngày 09/5/2024 của UBND xã Tiên Phú, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị Bùi Thị T trước khi về sống với anh C và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 44/2024/UBND-XNTTHN ngày 20/5/2024 của UBND xã Đ, huyện T nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Lã Văn C xác nhận chị T và anh C chưa đăng ký kết hôn với ai.

5. Tại Biên bản xác minh ngày 04/7/2024, đại diện UBND xã Đ, huyện T cung cấp: Sau khi kiểm tra sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Lợi, không có tên đăng ký kết hôn của chị Bùi Thị T và anh Lã Văn C. Chị T và anh C không đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T mà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng. Chị T và anh C có 02 con chung: Cháu Lã Thị L, sinh ngày 07/5/2005 và cháu Lã Thị Diệu L, sinh ngày 07/8/2014. Các cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Chị T và anh C đều là lao động tự do, có sức khỏe, không vi phạm pháp luật, có đủ điều kiện nuôi.

7. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 LHNGĐ: Không công nhận quan hệ giữa chị Bùi Thị Tvà anh Lã Văn C là vợ chồng; về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao cháu Lã Thị Diệu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/ tháng, từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu Diệu Linh đủ 18 tuổi; Về tài sản các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí Chị Thủy, anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lã Văn C có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Tvà anh C đều công nhận anh chị sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 06/01/2004 không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. UBND xã Đ, huyện T và UBND xã Tiên Phú, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ đều xác nhận chị Bùi Thị Tvà anh Lã Văn C không đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị Tvà anh C là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị Bùi Thị Tvà anh Lã Văn C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Tvà anh C có 2 con chung: Cháu Lã Thị L, sinh ngày 07/5/2005 và cháu Lã Thị Diệu L, sinh ngày 07/8/2014. Cháu Lã Thị L đã trưởng thành, khoẻ mạnh, cháu ở với ai tùy cháu quyết định. Cháu Lã Thị Diệu L ngoan ngoãn, khoẻ mạnh, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Cháu Diệu L có nguyện vọng ở với mẹ.

Chị Tvà anh C thoả thuận: Giao cháu Lã Thị Diệu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Thủy 2.000.000đ/ tháng, từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu Diệu L đủ 18 tuổi. Xét sự thoả thuận của đương sự là tự nguyện phù hợp với điều kiện nuôi con của chị Tvà nguyện vọng của cháu Diệu L. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao cháu Diệu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. anh C cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu Diệu L đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân, anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 và điểm

a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Không công nhận quan hệ giữa chị Bùi Thị Tvà anh Lã Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao cho chị Ttrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lã Thị Diệu L sinh ngày 07/8/2014. Anh C cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/ tháng, kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu Diệu L đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tphải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2023/0002963 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị Tđã nộp đủ án phí.

Anh C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

